

“DỰ THẢO”

QUY ĐỊNH

Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Những nội dung không có quy định tại quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá ngày 19/6/2023, Nghị định số 85/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Giá và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật Giá năm 2023.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trên cơ sở tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Giá và khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ.

3. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá:

3.1. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với các mặt hàng cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo; phân đạm, phân DA, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Sở quản lý ngành, lĩnh vực báo cáo bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá (nếu có).

3.2. Trường hợp mặt bằng giá thị trường hàng hóa dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá có biến động bất thường tại địa phương theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 20 của Luật Giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh để xây dựng báo cáo bình ổn giá (gồm các nội dung như quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP), kèm theo văn bản đề nghị bình ổn giá (gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP) gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp đối với các mặt hàng.

3.3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp và có quy định khác về việc thực hiện bình ổn giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4. Ngân hàng Nhà nước tỉnh phối hợp với các sở, ngành trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện đối với biện pháp tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật để bình ổn giá.

5. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Định giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; tên hàng hóa, dịch vụ; thẩm quyền và hình thức định giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này.

2. Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách Nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương: Tổ chức sản xuất, kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng lập phương án giá.

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực và UBND cấp huyện được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ Khoản 1, điểm d Khoản 2 và theo các nguyên tắc quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Khi các yếu tố hình thành giá hoặc giá thị trường trong nước hoặc giá thị trường thế giới có biến động và ảnh hưởng đến mức giá hàng hóa, dịch vụ thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm lập phương án giá theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và gửi cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá tại Khoản 3 Điều này để xem xét, thực hiện điều chỉnh giá.

d) Tổ chức, cá nhân lập phương án giá có trách nhiệm giải trình về phương án giá trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu giải trình, báo cáo rõ về một số nội dung tại phương án giá và các tài liệu, hồ sơ kèm theo.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trong các trường hợp sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá;
- Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa;
- Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc các trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thẩm định phương án giá, xin ý kiến tham gia của Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với:

- Hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.
- Hàng hóa, dịch vụ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã.

4. Trình và ban hành văn bản định giá

a) Đối với các trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Sau khi hoàn thành thẩm định phương án giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực và UBND cấp huyện được giao thẩm định phương án giá tại Khoản 3 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Đối với trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá tại Khoản 3 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá. Sau khi có văn bản định giá tối đa hoặc khung giá hoặc giá tối thiểu, cơ quan được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tổ chức rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá cụ thể.

5. Hình thức văn bản định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Trường hợp văn bản định giá cần thay thế bao gồm các nội dung về giá hàng hóa, dịch vụ và cả các cơ chế, chính sách về quản lý giá hàng hóa, dịch vụ đó thì nội dung về giá hàng hóa, dịch vụ phải được ban hành lại thành văn bản riêng theo

đúng quy định về hình thức văn bản định giá quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; các cơ chế, chính sách về quản lý giá hàng hóa, dịch vụ phải được ban hành theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 5. Kê khai giá

1. Danh mục các hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá; cơ quan tiếp nhận kê khai giá được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá.

2. Đối tượng thực hiện kê khai giá: Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh và nằm trong Danh sách kê khai giá theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Thông báo danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

a) Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực được giao tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo quy định tại Khoản 1 Điều này, căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ được phân công tiếp nhận và theo yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, công tác quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực, rà soát lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách kê khai giá đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Riêng đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: Sở Y tế rà soát đưa vào Danh sách kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn (ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế) và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý.

b) Định kỳ vào ngày 10 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách kê khai giá.

c) Trên cơ sở đề xuất về Danh sách kê khai giá của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ kê khai giá và các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh rà soát tổng thể, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá trên địa bàn tỉnh định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá rà soát Danh sách, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung.

Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì không cần tham mưu ban hành Danh sách kê khai giá mới.

Điều 6 Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Nội dung cơ sở dữ liệu về giá thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng, tổ chức việc quản trị, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp xây dựng dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

4. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

a) Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

- Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

- Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

- Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

- Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

- Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

- Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

b) Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

- Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu;

- Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá;

- Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

- Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

- Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu;

- Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập;

- Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Những quy định quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá chưa được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Giá và các quy định của pháp luật có liên quan;

Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

Các sở, ngành, cơ quan thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

PHỤ LỤC I

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Kèm theo Quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
I	Định khung giá (2)		
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
II	Định giá tối đa (7)		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
4	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
5	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
6	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
7	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt <i>áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;</i>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
III	Định giá cụ thể (13)		
A	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ (3)		
1	Nước sạch	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Xây dựng chủ trì; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
B	Định giá cụ thể (10)		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	
3.1	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và không thuộc trường hợp tại mục 3.3</i>		<i>Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực</i>
3.2	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
3.3	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp</i>		<i>Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng</i>

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
5.1	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Xây dựng</i>
5.2	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
7.1	<i>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã)</i>		<i>Sở Xây dựng</i>
7.2	<i>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông Vận tải	
8.1	<i>Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Giao thông Vận tải</i>
8.2	<i>Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
9.1	<i>Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Xây dựng</i>
9.2	<i>Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
10	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương	
10.1	<i>Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Công Thương</i>
10.2	<i>Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
V	Theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ (1)		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Số, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Số, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực

PHỤ LỤC II
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo Quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Theo quy định tại Nghị định 85/2024/NĐ-CP		Cơ quan tiếp nhận kê khai giá, tham mưu UBND tỉnh
		Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chỉ tiết danh mục) của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá	
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước			
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ bình ổn giá			
1	Xăng, dầu thành phẩm	Bộ Công Thương	Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Bộ Công Thương	Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Bộ Y tế	Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	<i>Bộ Y tế</i>	<i>Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Y tế
II	Hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền UBND tỉnh định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng		<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của tỉnh</i>	Sở quản lý ngành, lĩnh vực và UBND cấp huyện tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm định giá của tỉnh
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Giao thông vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương		<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý		<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Giao thông vận tải

5	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Giao thông vận tải
8	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường
9	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Tư pháp
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành			
1	Xi măng	Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Xây dựng

4	Thép xây dựng	<i>Bộ Công Thương</i>	<i>Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Công Thương
5	Than	<i>Bộ Công Thương</i>	<i>Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	<i>Bộ Công Thương</i>	<i>Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	<i>Bộ Công Thương</i>	<i>Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	<i>Bộ Giao thông vận tải</i>	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Giao thông vận tải
12	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	<i>Bộ Y tế</i>	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Y tế
13	Thiết bị y tế	<i>Bộ Y tế</i>	<i>Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Y tế

14	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Bộ Y tế	Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Bộ Y tế	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Y tế
16	Dịch vụ viễn thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương	<i>Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương (áp dụng linh hoạt nếu cần thiết): Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ yêu cầu, mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn tiếp nhận kê khai giá trong số danh mục những hàng hóa dịch vụ sau:</i>		Các sở quản lý ngành, lĩnh vực căn cứ yêu cầu, mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương để có ý kiến lựa chọn tham mưu UBND tỉnh tiếp nhận kê khai giá trong số danh mục những hàng hóa dịch vụ sau:
1	Dịch vụ lưu trú	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn (nếu có)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Giao thông vận tải

5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch		<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa-đường biển (nếu có)		<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)		<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp		<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá		<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Công Thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng (nếu có)		<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	Sở Tài nguyên và Môi trường